

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 226/2022/HNGĐ-ST
Ngày 14-11-2022
V/v ly hôn, nuôi con chung giữa
anh T và chị D

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Ái.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hóa;

Bà Trần Thị Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Xuyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Ngày 14 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 197/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 133/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Đỗ Văn T, sinh năm 1984; địa chỉ: Xóm 8, xã B, huyện Hải Hậu, Nam Định;

Bị đơn: Chị Lâm Thị D, sinh năm 1993; địa chỉ: Xóm 8, xã B, huyện Hải Hậu, Nam Định.

(Anh T, chị D xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 02-10-2022 và bản tự khai ngày 14-10-2022, nguyên đơn anh Đỗ Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Văn T và chị Lâm Thị D đăng ký kết hôn ngày 12-01-2010 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng với bố mẹ anh T tại xóm 8, xã B. Đến năm 2014 hai người cùng nhau vào tỉnh Đồng Nai làm ăn kinh tế. Vợ chồng sống hòa thuận đến đầu năm 2020 thì

xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị D có tình cảm với người đàn ông khác nên giữa hai người thường xuyên xảy ra va chạm cãi chửi nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần. Anh T đã nhờ hai bên gia đình khuyên bảo, động viên chị D thay đổi để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị D không nhất trí. Vì vậy, từ tháng 10/2020 hai người đã sống ly thân đến nay. Nay anh T nhận thấy tình cảm của anh đối với chị D không còn nên làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn chị D.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Đỗ Khánh Ly, sinh ngày 01-12-2010 và Đỗ Thanh Thảo, sinh ngày 31-8-2016, hiện nay hai con đang ở cùng anh T và gia đình bên nội. Khi ly hôn, anh T có nguyện vọng tiếp tục được nuôi hai con và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi các con.

Về tài sản và nghĩa vụ tài sản chung: Anh T xác nhận vợ chồng không có tài sản và công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Lâm Thị D có lời khai phù hợp với lời khai của anh T về thời gian vợ chồng kết hôn, chung sống. Theo chị D, nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do sau một thời gian chung sống chị D nhận thấy hai bên không hợp nhau cả về tư tưởng cũng như cách sống nên cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Từ đó tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không thể hàn gắn được nên hai người đã sống ly thân từ tháng 10-2020 cho đến nay. Nay anh T làm đơn xin ly hôn, chị D nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm nên nhất trí ly hôn để giải phóng cho nhau.

Về con chung: Chị D có lời khai thống nhất với anh T về con chung. Hiện nay do hai con đang ở cùng anh T và gia đình bên nội nên chị D nhất trí để anh T tiếp tục nuôi dưỡng hai con. Do anh T không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con nên chị D không có ý kiến về nghĩa vụ cấp dưỡng.

Về tài sản và nghĩa vụ tài sản chung: Chị D có lời khai thống nhất với lời khai của anh T, chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Anh Đỗ Văn T và chị Lâm Thị D có đề nghị xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh T, chị D là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Quan hệ vợ chồng giữa anh Đỗ Văn T và chị Lâm Thị D là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn ngày

12-01-2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng với bố mẹ anh T tại xóm 10, xã B, đến năm 2014, hai người vào tỉnh Đồng Nai làm ăn kinh tế. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn và sau đó sống ly thân cho đến nay. Nay anh T xin ly hôn, chị D nhất trí.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của anh T đối với chị D, qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận định: Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị D xuất phát từ tính cách hai người không hợp, không có tiếng nói chung nên không đồng cảm, chia sẻ cùng nhau trong cuộc sống, từ đó tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần. Ngoài ra, anh T cho rằng nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do chị D đã có tình cảm với người khác nên cuộc sống vợ chồng không còn hòa hợp, hạnh phúc và từ tháng 10-2020 hai người đã sống ly thân cho đến nay. Mặc dù anh T và chị D có thời gian sống ly thân đã lâu nhưng hai bên không có biện pháp, hành động nhằm hàn gắn tình cảm và mong muốn cuộc sống chung của vợ chồng tiếp tục tồn tại. Mặt khác, chị D cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, không muốn tiếp tục chung sống với anh T nên nhất trí ly hôn. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T, cho anh T được ly hôn chị D là phù hợp quy định khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con chung*: Vợ chồng có hai con chung là Đỗ Khánh Ly, sinh ngày 01-12-2010 và Đỗ Thanh Thảo, sinh ngày 31-8-2016. Khi ly hôn, anh T đề nghị tiếp tục nuôi hai con chung, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con, chị D đồng ý. Xét điều kiện hoàn cảnh hiện nay và nguyện vọng của các đương sự cũng như nguyện vọng của cháu Khánh Ly thì thấy: Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, hai con chung vẫn do anh T nuôi dưỡng, chăm sóc; chị D nhất trí với đề nghị xin được nuôi các con của anh T. Cháu Khánh Ly có nguyện vọng được ở cùng anh T. Vì vậy, cần chấp nhận đề nghị xin được nuôi các con chung, tiếp tục giao cháu Đỗ Khánh Ly và Đỗ Thanh Thảo cho anh T nuôi dưỡng và không buộc chị D cấp dưỡng nuôi con cho anh T là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] *Về tài sản và nghĩa vụ tài sản chung*: Anh T, chị D xác nhận không có tài sản chung, không có nghĩa vụ về tài sản nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Anh Đỗ Văn T phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Đỗ Văn T và chị Lâm Thị D.

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Khánh Ly, sinh ngày 01-12-2010 và Đỗ Thanh Thảo, sinh ngày 31-8-2016 cho anh Đỗ Văn T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng (hiện nay hai con chung đang ở cùng anh T). Chị Lâm Thị D không phải cấp dưỡng nuôi hai con cho anh T. Hai bên có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Anh Đỗ Văn T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0006352 ngày 14-10-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Anh T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Hóa Trần Thị Phụng

Vũ Văn Ái

Nơi nhận:

- Đường sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Văn Ái